

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/02/2026  
của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số toàn diện  
lĩnh vực Nội vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp đến năm 2030,  
định hướng đến năm 2045**

Thực hiện Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực Nội vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Quyết định số 350/QĐ-TTg); xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 347/TTr-SNV ngày 23/3/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực Nội vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh, như sau:

### I. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực Nội vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, gắn với các chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia về phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; được xác định là nhiệm vụ tất yếu, cấp bách, vừa là mục tiêu, vừa là động lực đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực Nội vụ.

2. Thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực Nội vụ đồng bộ, thống nhất theo chỉ đạo của Chính phủ, dựa trên các trụ cột: (1) hạ tầng số, (2) dữ liệu số, (3) nền tảng số, (4) ứng dụng dùng chung, (5) nhân lực số, (6) an toàn thông tin, an ninh mạng; bảo đảm liên thông, chia sẻ, tránh phân tán, cát cứ thông tin; triển khai có trọng tâm, trọng điểm, đo lường được bằng các chỉ số hiệu quả.

3. Lấy thể chế là nền tảng, dữ liệu lĩnh vực Nội vụ là tài nguyên, nghiên cứu, đề xuất chính sách huy động mọi nguồn lực để làm giàu dữ liệu lĩnh vực Nội vụ, phát triển dữ liệu trở thành tài sản.

4. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu cá nhân.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên đầu tư cho nguồn nhân lực số, hạ tầng số, dữ liệu số; kết hợp đổi mới tư duy, đổi mới thể chế với ứng

dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, coi đây là giải pháp tổng thể nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ.

6. Ưu tiên ứng dụng công nghệ số tiên tiến, đặc biệt là các công nghệ mới như: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối..., nhằm nâng cao chất lượng ra quyết định, chỉ đạo, điều hành, năng lực phân tích, dự báo, hoạch định chính sách lĩnh vực Nội vụ, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; xây dựng nền hành chính phục vụ chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, vận hành dựa trên dữ liệu, có năng lực phân tích, dự báo và thích ứng linh hoạt; phấn đấu ngành Nội vụ trở thành ngành tiêu biểu trong chuyển đổi số thực thi công vụ. Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số và ứng dụng dùng chung trong toàn ngành; đến năm 2035, hình thành nền hành chính số và mô hình quản trị hiện đại ngành Nội vụ; đến năm 2045, ngành Nội vụ vận hành trên nền hành chính thông minh, dựa trên dữ liệu và công nghệ số thông minh.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến 2030**

a) Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng dữ liệu và nền tảng số ngành Nội vụ

- Triển khai 100% Cơ sở dữ liệu lĩnh vực Nội vụ theo mô hình thống nhất, tập trung, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu tỉnh và Trung ương theo lộ trình.

- Hình thành, phát triển, hoàn thiện kho dữ liệu tập trung lĩnh vực Nội vụ, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến với các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

- Cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ được hình thành trên cơ sở bài toán thực tế, sát với yêu cầu nghiệp vụ chuyên môn, số liệu được cập nhật theo thời gian thực, đáp ứng yêu cầu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung” theo quy định.

b) Hoàn thành xây dựng, vận hành các Cơ sở dữ liệu lĩnh vực Nội vụ

- Hoàn thành xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm phục vụ 100% nhiệm vụ quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu: quản lý an toàn, vệ sinh lao động; quản lý nguồn nhân lực; quản lý nghiệp vụ dịch vụ việc làm; số hóa thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm; sàn giao dịch việc làm quản lý dữ liệu về người lao động trong toàn tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu về người có công, đáp ứng tối thiểu 80% yêu cầu thực hiện chính sách an sinh xã hội theo quy định.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu tài liệu: phần mềm Lưu trữ cơ quan (lưu trữ hiện hành) để quản lý, lưu trữ tài liệu số hóa của các cơ quan, tổ chức đã trang bị; Kho lưu trữ tài liệu số; phần mềm số hóa, quản lý hồ sơ lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức để thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức, theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng công chức đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu cải cách hành chính giám sát, đánh giá, báo cáo định kỳ; đo lường mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quản lý thi đua khen thưởng tỉnh Thái Nguyên.

c) Phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình phục vụ người dân và doanh nghiệp, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ

- 100% thủ tục hành chính lĩnh vực Nội vụ được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% các biểu mẫu điện tử thực hiện dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực Nội vụ được ứng dụng trí tuệ nhân tạo và trợ lý ảo để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Bảo đảm 100% hoạt động tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Nội vụ được thực hiện thông suốt trên môi trường số (trừ nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước), thông qua Cổng/Trang thông tin điện tử và các hệ thống thông tin theo quy định pháp luật, bảo đảm tiếp nhận, xử lý, phản hồi và trả kết quả kịp thời, an toàn, thuận tiện.

- Nâng cao việc cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp bằng nhiều hình thức; ứng dụng công nghệ số trong tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

d) Nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành Nội vụ, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng của người dân, doanh nghiệp đối với thông tin, dịch vụ công trực tuyến toàn trình, các nền tảng số và hệ thống thông tin lĩnh vực Nội vụ trên môi trường số.

- Bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo các nền tảng số, hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung trong xử lý, giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trên môi trường số. Bảo đảm điều kiện để 100% người dân, doanh nghiệp có khả năng tiếp cận, sử dụng thuận tiện các dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bao gồm tra cứu thông tin, nộp hồ sơ, theo dõi tiến độ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số.

đ) Đẩy mạnh hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ trên môi trường điện tử

- 100% hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.

- Trên 95% văn bản, hồ sơ công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử.

- Trên 95% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) tại các cơ quan quản lý nhà nước được tái cấu trúc, chuẩn hóa, số hóa và được đưa lên môi trường số, sử dụng lại dữ liệu số hóa theo quy định.

- Trên 95% các cơ quan quản lý nhà nước ngành Nội vụ tổ chức thực hiện quản lý, chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp trên môi trường điện tử, thông qua các hệ thống thông tin, nền tảng số và quy trình điện tử thống nhất.

- Trên 95% các quyết định quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước được đưa ra trên cơ sở phân tích, khai thác dữ liệu, thông qua các hệ thống hỗ trợ chỉ đạo, điều hành, bảo đảm tính khách quan, khoa học và hiệu quả.

#### e) Phát triển dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung

- 100% cơ sở dữ liệu được rà soát, chuẩn hóa và xác định rõ danh mục dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, kết nối, chia sẻ với các sở, ngành, địa phương và trung ương.

- Tối thiểu 70% dữ liệu đủ điều kiện được công bố dưới dạng dữ liệu mở, phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội khai thác, sử dụng.

- 100% dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở được chuẩn hóa, cập nhật định kỳ, bảo đảm khả năng truy cập, khai thác và tái sử dụng thuận tiện trên môi trường số.

g) Thúc đẩy định danh, xác thực điện tử và số hóa hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và các nhóm đối tượng chính sách thuộc phạm vi quản lý

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được gán định danh điện tử thống nhất; 100% thông tin, hồ sơ quản lý của cán bộ, công chức, viên chức được số hóa, chuẩn hóa và lưu trữ tập trung trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tối thiểu 85% các nhóm đối tượng chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Nội vụ được gán định danh điện tử thống nhất; tối thiểu 85% các nhóm đối tượng chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước được số hóa, chuẩn hóa và lưu trữ tập trung trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

h) Đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt trong an sinh xã hội bảo đảm tối thiểu 85% đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội nhận trợ cấp thường xuyên thông qua phương thức chi trả không dùng tiền mặt; đồng thời tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện để mở rộng phạm vi tiếp cận hình thức chi trả không dùng tiền mặt đối với các nhóm đối tượng khác.

i) Nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng bảo đảm tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực Nội vụ.

k) Về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

- 100% hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành Nội vụ được xác định, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và triển khai đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn theo cấp độ, được giám sát, vận hành an toàn, liên tục. 100% hệ thống thông tin trọng yếu của ngành Nội vụ được bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình nhiều lớp, kết nối, chia sẻ thông tin giám sát với hệ thống điều hành an ninh mạng của tỉnh; kịp thời phát hiện, cảnh báo và xử lý sự cố.

- 100% dữ liệu, hồ sơ, văn bản điện tử, bao gồm cả dữ liệu mật và dữ liệu nhạy cảm, được bảo vệ an toàn trong suốt vòng đời xử lý, có biện pháp phòng, chống thất thoát, rò rỉ dữ liệu; định kỳ tổ chức đánh giá tổng thể về an ninh mạng, an toàn dữ liệu trong toàn ngành.

m) Phát triển hạ tầng số theo hướng phổ cập, đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững và có tính dự phòng cao; phục vụ đắc lực công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; đáp ứng nhu cầu tiếp cận, sử dụng dịch vụ số chất lượng cao của người dân, doanh nghiệp, tổ chức. Qua đó tạo dựng nền tảng thúc đẩy Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số của tỉnh.

### **3. Định hướng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045**

a) Định hướng đến năm 2035

- Trên cơ sở các chỉ tiêu đã đạt được đến năm 2030, phân đầu đến năm 2035 các chỉ tiêu chủ yếu được hoàn thiện ở mức cao, tiệm cận 100%, bảo đảm vận hành ổn định, đồng bộ và bền vững, có tính dự báo với độ chính xác cao.

- Thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực Nội vụ được cung cấp theo phương thức chủ động, tự động, dựa trên dữ liệu số; người dân, doanh nghiệp không phải nộp hồ sơ lặp lại; ứng dụng trợ lý ảo, trí tuệ nhân tạo trong quản trị và dự báo nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính, nhu cầu nhân lực công, hỗ trợ sắp xếp tổ chức, bộ máy, cung cầu lao động, an sinh xã hội, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính...

- Dữ liệu lĩnh vực Nội vụ trở thành nguồn lực cốt lõi, tài nguyên số, tài sản số, được quản trị tập trung, chia sẻ hiệu quả, phục vụ quản lý, điều hành và xây dựng chính sách.

- Quản lý, chỉ đạo, điều hành chuyển sang mô hình dựa trên dữ liệu, với đa số quyết định quản lý được hỗ trợ bởi phân tích dữ liệu và hệ thống thông minh.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

- Chuyển đổi số lĩnh vực Nội vụ đóng góp tích cực để hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng con người Việt Nam toàn diện, giúp người dân tham gia các hoạt động xã hội toàn diện,

thụ hưởng chính sách an sinh xã hội thuận lợi hơn, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia số.

- Hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của ngành Nội vụ được hỗ trợ bởi các hệ thống phân tích dữ liệu, trợ lý ảo và công cụ thông minh, nâng cao chất lượng ra quyết định.

- Hầu hết các quy trình nghiệp vụ cốt lõi trong ngành Nội vụ được tự động hóa ở mức cao, vận hành thông suốt trên môi trường số, bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu. Chuyển đổi số lĩnh vực Nội vụ giữ vai trò nòng cốt về thể chế, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực góp phần hiện thực hóa mục tiêu Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chỉ số Chính phủ điện tử, quản trị công và cung cấp dịch vụ công.

### **III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Kế hoạch được phân công tại Phụ lục kèm theo.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tiến độ, hiệu quả triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; chủ động tham mưu, đề xuất UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc 6 rõ (*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và rõ kết quả*); rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương để chủ động phối hợp hỗ trợ xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định. Đồng thời, thường xuyên rà soát, báo cáo đầy đủ thông tin, dữ liệu, tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ về Bộ Nội vụ theo quy định.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, dữ liệu đầy đủ, chính xác, cập nhật vào các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ Nội vụ quản lý.

### **2. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu xây dựng, lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Kế hoạch vào Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hàng năm; thẩm định, hướng dẫn áp dụng các giải pháp công nghệ trong triển khai Kế hoạch.

- Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ Sở Nội vụ kết nối, đồng bộ cơ sở dữ liệu Nội vụ về Trung tâm Dữ liệu tỉnh theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch trong Báo cáo chuyển đổi số tổng thể của tỉnh theo quy định.

### **3. Sở Tài chính**

Trên cơ sở đề xuất kinh phí triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch của Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị và địa phương, căn cứ khả năng cân

đôi ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành và đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

#### **4. Công an tỉnh**

- Chủ trì bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin cho hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh Thái Nguyên.

- Hướng dẫn Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị, địa phương khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống định danh, xác thực điện tử (VNeID) để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ trực tuyến.

- Chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát việc tuân thủ các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

#### **5. Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường**

- Căn cứ Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện đảm bảo đồng bộ với chỉ tiêu, nhiệm vụ chung của tỉnh; chủ động sử dụng các nguồn kinh phí theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nội vụ trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thống nhất trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành (như dữ liệu về y tế, bảo trợ xã hội, giảm nghèo, giáo dục, bảo hiểm...) để làm giàu Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức và Cơ sở dữ liệu quốc gia về người có công, an sinh xã hội, lao động việc làm... theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện thống nhất sử dụng các nền tảng số, phần mềm dùng chung của ngành Nội vụ.

- Định kỳ hằng quý, 06 tháng, cuối năm (hoặc đột xuất) báo cáo về tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực Nội vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện, đảm bảo phù hợp, hiệu quả./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, NC.

*Ngannq/KH10*

**CHỦ TỊCH**

**Vương Quốc Tuấn**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo</b>				
1.	Tham mưu xây dựng, lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Kế hoạch vào Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch tổng thể của tỉnh hằng năm được ban hành	Nhiệm vụ thường xuyên
2.	Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm tháo gỡ điểm nghẽn trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ		Văn bản của cấp có thẩm quyền	Nhiệm vụ thường xuyên
3.	Tổ chức hoặc lồng ghép nội dung chuyên đổi tư duy, nâng cao năng lực lãnh đạo số vào các hội nghị, phiên họp, chương trình công tác, chương trình bồi dưỡng, tập huấn do Ban Chỉ đạo của tỉnh chủ trì hoặc chỉ đạo triển khai; tập trung trang bị cho lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp về tư duy chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo trong môi trường số, quản trị dựa trên dữ liệu, an toàn thông tin và đổi mới phương thức làm việc từ thủ công sang môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ		Nhiệm vụ thường xuyên	

4.	Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh; lựa chọn, vinh danh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về chuyển đổi số; đưa nội dung, kết quả thực hiện chuyển đổi số thành tiêu chí bắt buộc trong đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm; gắn kết quả chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các phong trào được phát động, danh sách các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến; xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể	Nhiệm vụ thường xuyên
<b>II</b>	<b>Rà soát, hoàn thiện chính sách, thể chế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số lĩnh vực Nội vụ</b>				
5.	Tham mưu rà soát để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, hồ sơ điện tử, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử thay thế hoàn toàn văn bản giấy; quy định về lưu trữ số và giá trị của tài liệu lưu trữ số.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả rà soát	Nhiệm vụ thường xuyên
<b>III</b>	<b>Xây dựng, vận hành các cơ sở dữ liệu lĩnh vực Nội vụ và triển khai các dịch vụ, nền tảng, phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyển đổi số</b>				
6.	Tập trung rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung” phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các cơ sở dữ liệu lĩnh vực Nội vụ được làm sạch và chuẩn hóa	Nhiệm vụ thường xuyên
7.	Hoàn thành việc kết nối, đồng bộ dữ liệu Nội vụ với Cơ sở dữ liệu của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Hoàn thành việc kết nối, đồng bộ dữ liệu	Theo lộ trình của tỉnh

8.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức được làm sạch, chuẩn hóa; quản lý theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
9.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu tại lưu trữ hiện hành để quản lý tài liệu lưu trữ đã số hóa	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tài liệu lưu trữ được lựa chọn số hóa đáp ứng mục đích, yêu cầu sử dụng và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ theo quy định	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
10.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức để thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức, theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng công chức đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% tổ chức, cá nhân được đánh giá trên hệ thống theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
11.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100 % cơ quan, đơn vị được đánh giá trên hệ thống theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, cả năm; đảm bảo chia sẻ liên tục, kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
12.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu quản lý về công tác an toàn, vệ sinh lao động (tình hình tai nạn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định máy thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn,...), dữ liệu doanh nghiệp, đơn vị và người sử dụng lao	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030

	động và các hệ thống báo cáo thống kê theo quy định				
13.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu người lao động, dữ liệu nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, đơn vị trên địa bàn tỉnh và hệ thống báo cáo, thống kê theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
14.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu quản lý nghiệp vụ Dịch vụ việc làm, quản lý Dữ liệu về người lao động, người sử dụng lao động, vị trí việc làm và các danh mục chuẩn liên quan, được sử dụng làm nền tảng tham chiếu, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ việc làm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
15.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu phần mềm số hóa thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm, quản lý thông tin cơ bản để mô tả các đối tượng cốt lõi của lĩnh vực việc làm và được sử dụng làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ hóa, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu khác nhau, phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ việc làm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
16.	Xây dựng và phát triển Sàn giao dịch việc làm điện tử, kết nối cung cầu lao động theo thời gian thực; ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để dự báo thị trường lao động, hỗ trợ hoạch định chính sách	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được quản lý, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
17.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu Người có công, số hóa hồ sơ để nâng cao năng lực quản lý, thực hiện tốt chính sách điều dưỡng, chăm sóc, hỗ trợ người có công với cách mạng.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030

18.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
19.	Xây dựng bổ sung, hoàn thiện các chức năng của Kho lưu trữ tài liệu số tỉnh theo quy định Luật Lưu trữ năm 2024	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tài liệu lưu trữ điện tử có giá trị vĩnh viễn được thu nộp, tài liệu lưu trữ giấy và tài liệu trên các vật mang tin khác được số hóa, cập nhật vào phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ, Kho lưu trữ tài liệu số theo lộ trình	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
20.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu về tổ chức, bộ máy	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
21.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu về Hội, Quỹ, Tổ chức phi chính phủ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
22.	Xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu về Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
23.	Xây dựng các biểu mẫu báo cáo điện tử, tự động hóa quy trình tổng hợp số liệu	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% dữ liệu được xây dựng quản lý đầy đủ, chia sẻ theo thời gian thực	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
<b>IV</b>	<b>Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp</b>				

24.	Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính, tái cấu trúc để thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, sử dụng lại dữ liệu số hóa phục vụ giải quyết thủ tục hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các quy trình nghiệp vụ được tái cấu trúc, chuẩn hóa và các dịch vụ công trực tuyến toàn trình được triển khai	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
25.	Thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đặc thù địa phương lĩnh vực Nội vụ; cung cấp 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các quy trình nghiệp vụ được tái cấu trúc, chuẩn hóa và các dịch vụ công trực tuyến toàn trình được triển khai	Năm 2026, định hướng đến năm 2030
<b>V</b>	<b>Bảo đảm hạ tầng số và kết nối mạng phục vụ chuyển đổi số</b>				
26.	Rà soát, mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị công nghệ thông tin để phục vụ công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và làm sạch dữ liệu; Bảo đảm 100% công chức, viên chức ngành Nội vụ được trang bị máy tính có kết nối mạng và cài đặt phần mềm bản quyền, phần mềm phòng chống mã độc tập trung theo quy định.	Sở Nội vụ		Trang thiết bị công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ	Nhiệm vụ thường xuyên
27.	Rà soát, đề xuất quản lý dữ liệu mô hình điện toán đám mây (Cloud Computing).	Sở Nội vụ		Trên 70% Cơ sở dữ liệu phát triển triển mô hình điện toán đám mây	Nhiệm vụ thường xuyên
<b>VI</b>	<b>Bảo đảm an ninh mạng và an toàn thông tin</b>				
28.	Hoàn thành việc xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh	Hồ sơ cấp độ được phê duyệt; Báo cáo đánh giá an toàn thông tin.	Nhiệm vụ thường xuyên

29.	Áp dụng các biện pháp mã hóa dữ liệu lưu trữ và đường truyền đối với dữ liệu quan trọng, dữ liệu nhạy cảm theo quy định	Sở Nội vụ	Công an tỉnh	Quy định bảo vệ dữ liệu lưu trữ	Nhiệm vụ thường xuyên
<b>VII</b>	<b>Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)</b>				
30.	Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu, ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ cải cách tiền lương và đánh giá hiệu quả tổ chức bộ máy.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các công cụ phân tích dữ liệu, ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên
31.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý công chức, viên chức trong toàn tỉnh. Trong đó, tập trung phát triển các chức năng hướng dẫn người dùng sử dụng hệ thống bằng trí tuệ nhân tạo (AI); phân tích, quản lý, tổng hợp số liệu tự động phục vụ công tác quản lý nhà nước; sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đảm bảo an toàn thông tin toàn hệ thống theo quy định.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các công cụ phân tích dữ liệu, ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên
32.	Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý dữ liệu thông tin về người lao động, nhu cầu tuyển dụng lao động để phục vụ các hoạt động kết nối cung - cầu lao động, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các công cụ phân tích dữ liệu, ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên
33.	Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các công cụ phân tích dữ liệu, ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên
<b>VIII</b>	<b>Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực</b>				
34.	Đưa nội dung đào tạo về xây dựng cơ sở dữ liệu sát thực tế, nâng cao kỹ năng số, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) vào các	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các nội dung đào tạo	Nhiệm vụ thường xuyên

	chương trình đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức.				
35.	Tổ chức các khóa bồi dưỡng dành riêng cho lãnh đạo, quản lý các cấp về tư duy chuyên đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin.	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các nội dung đào tạo	Nhiệm vụ thường xuyên
36.	Đào tạo, tập huấn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về trình độ, kỹ năng, khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong các hoạt động của các cơ quan thuộc lĩnh vực Nội vụ.	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Các nội dung đào tạo	Nhiệm vụ thường xuyên